

phương pháp thay đổi qua các năm, do đó kết quả chỉ được phân tích trên những phương pháp tham gia đầy đủ và liên tục.

## V. KẾT LUẬN

Cả ba xét nghiệm CA 19-9, CEA, PSA đều có sự khác nhau giữa các phương pháp, CA 19-9 có sự khác biệt lớn nhất. Các xét nghiệm dấu ấn ung thư chưa được chuẩn hóa đầy đủ, CV cao và độ chệch lớn. CA 19-9 có sự đồng thuận tăng dần qua các năm thể hiện qua biến số CV chung của các phương pháp xét nghiệm.

Xét nghiệm CA 19-9 và CEA cần thiết phải được chuẩn hóa, xét nghiệm PSA cần phải thực hiện liên thông để giảm thiểu sự khác nhau giữa các phương pháp.

## VI. LỜI CẢM ƠN

Nhóm nghiên cứu chân thành cảm ơn Ban Lãnh đạo, Ban Đào tạo và nghiên cứu khoa học, Khoa Xét nghiệm Bệnh viện Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh cơ sở 2 đã tạo điều kiện thuận lợi để thu thập dữ liệu trong nghiên cứu này.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Beastall, GH.** Traceability in laboratory medicine: what is it and why is it important for patients?,

- eJIFCC 2018, 29: 242-247.
2. **Foj, L., et al.** Variability of assay methods for total and free PSA after WHO standardization, *Tumour Biol*, 2014. 35(3): 1867-73.
  3. **Garrido, M. M., et al.** Comparison of Three Assays for Total and Free PSA Using Hybritech and WHO Calibrations, *In Vivo*, 2021. 35(6): 3431-3439.
  4. **La'ulu, S. L. and Roberts, W. L.** Performance characteristics of five automated CA 19-9 assays, *Am J Clin Pathol*, 2007. 127(3): 436-40.
  5. **Miller, W. G. and Greenberg, N.** Harmonization and Standardization: Where Are We Now?, *J Appl Lab Med*, 2021. 6(2): 510-521.
  6. **Singh, B., et al.** Application of sigma metrics for the assessment of quality assurance in clinical biochemistry laboratory in India: a pilot study, *Indian J Clin Biochem*, 2011. 26(2): 131-5.
  7. **Stephan, C., et al.** Interchangeability of measurements of total and free prostate-specific antigen in serum with 5 frequently used assay combinations: an update, *Clin Chem*, 2006. 52(1): 59-64.
  8. **Sturgeon, C.** Standardization of tumor markers - priorities identified through external quality assessment, *Scand J Clin Lab Invest Suppl*, 2016. 245: S94-9.
  9. **Zhang, K., et al.** A long way to go for the harmonization of four immunoassays for carcinoembryonic antigen, *Clin Chim Acta*, 2016. 454:15-9.

# STRESS Ở SINH VIÊN Y HỌC DỰ PHÒNG CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI NĂM HỌC 2021 - 2022 VÀ MỘT SỐ YẾU TỐ LIÊN QUAN

Lê Thị Vũ Huyền<sup>1</sup>, Nguyễn Thị Huyền<sup>1</sup>,  
Phạm Tường Vân<sup>1</sup>, Ngô Thị Hương<sup>1</sup>

## TÓM TẮT

Nghiên cứu mô tả cắt ngang nhằm mô tả thực trạng Stress của sinh viên Y học dự phòng Trường Đại học Y Hà Nội năm học 2021-2022 và một số yếu tố liên quan. Nghiên cứu sử dụng thang DASS 21 bằng phương pháp phỏng vấn qua bộ câu hỏi tự điền trên 360 sinh viên Y học dự phòng Trường Đại học Y Hà Nội. Kết quả cho thấy tỷ lệ sinh viên mắc stress là 33,6%. Có mối liên quan giữa khối học, tập thể dục, thay đổi trong các hoạt động xã hội, thay đổi thói quen ăn uống, giấc ngủ, thiếu sự hỗ trợ tài chính, suy giảm sức khỏe, thất bại trong một tiến trình quan trọng, cái chết của một thành viên gia đình, điểm học không như mong đợi, bỏ lỡ quá nhiều lớp học, gia tăng việc học ở trường quá nhiều với tình trạng stress

của sinh viên

**Từ khóa:** DASS-21, Sinh viên Y học dự phòng, Stress, Yếu tố liên quan

## SUMMARY

### THE STRESS OF PREVENTIVE MEDICINE STUDENTS AT HANOI MEDICAL UNIVERSITY IN THE ACADEMIC YEAR 2021-2022 AND SOME RELATED FACTORS

The cross-sectional study aimed to describe the stress situation of preventive medicine students at Hanoi Medical University in the academic year 2021-2022 and some related factors. The Study used DASS 21 scale by interview method by self-completed questionnaire on 360 students of Preventive Medicine at Hanoi Medical University. The study results showed that The percentage of students with stress was 33.6%. There is an association between grade, exercise factors, changes in social activities, changes in eating habits, sleep, lack of financial support, a decline in health, failure is an important process, study score are not as expected, miss too many classes, increase school attendance too much with the stress

<sup>1</sup>Đại học Y Hà Nội

Chịu trách nhiệm chính: Lê Thị Vũ Huyền

Email: levuhuyen@hmu.edu.vn

Ngày nhận bài: 6.9.2022

Ngày phản biện khoa học: 25.10.2022

Ngày duyệt bài: 2.11.2022

status of students.

**Keywords:** DASS-21, Preventive Medicine students, Stress, Related factors

## I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Theo Hans Selye, M.D: "Stress là một phản ứng sinh học không đặc hiệu của cơ thể trước những tình huống căng thẳng."<sup>1</sup> Các nghiên cứu trên thế giới đã chỉ ra rằng sinh viên Y có tỷ lệ stress cao trong những năm học đại học.<sup>2, 3</sup> Theo nghiên cứu của B. Kumar tại trường đại học Y khoa ở Pakistan, tỷ lệ stress của sinh viên Y khoa là 57,7%.<sup>2</sup> Tại Việt Nam, nghiên cứu của Trần Thị Ly năm 2020 đưa ra kết luận tỷ lệ stress của sinh viên Y là 38,5%, trong đó mức độ vừa chiếm tỷ lệ cao nhất (12,8%), mức độ nhẹ và nặng lần lượt chiếm tỷ lệ 11,7%, 10,1%, thấp nhất là mức độ rất nặng (3,9%).<sup>4</sup> Sinh viên chuyên ngành bác sĩ Y học dự phòng được đào tạo trở thành nhân viên y tế trong với mục tiêu bảo vệ, tăng cường và duy trì sức khỏe và chất lượng cuộc sống, phòng ngừa bệnh tật, tàn tật và tử vong trong cộng đồng. Đặc biệt trong thời kì dịch bệnh COVID-19 đe dọa tới sức khỏe của người dân trên toàn thế giới khiến áp lực học tập và kì vọng của đối tượng này tăng cao. Tuy nhiên hiện nay những nghiên cứu trên đối tượng sinh viên Y học dự phòng vẫn còn hạn chế. Stress trên sinh viên Y học dự phòng ra sao? yếu tố nào ảnh hưởng tới tỷ lệ stress trên sinh viên Y học dự phòng? Với tất cả những lý do trên chúng tôi tiến hành nghiên cứu đề tài: "Stress của sinh viên Y học dự phòng Trường Đại học Y Hà Nội năm học 2021-2022 và một số yếu tố liên quan" với 2 mục tiêu cụ thể sau:

1. *Mô tả thực trạng stress của sinh viên Y học dự phòng Trường Đại học Y Hà Nội năm học 2021-2022*

2. *Mô tả một số yếu tố liên quan đến thực trạng stress của sinh viên Y học dự phòng Trường Đại học Y Hà Nội năm học 2021-2022*

## II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

**2.1. Đối tượng:** Sinh viên Bác sĩ Y học dự phòng trường Đại học Y Hà Nội năm học 2021-2022.

**Tiêu chuẩn lựa chọn:** Sinh viên bác sĩ Y học dự phòng trường Đại học Y Hà Nội, đồng ý tham gia nghiên cứu.

**Tiêu chuẩn loại trừ:** Sinh viên không có mặt tại trường trong thời gian nghiên cứu.

**Địa điểm và thời gian nghiên cứu:** Nghiên cứu được thực hiện tại Trường Đại học Y Hà Nội, số 1 Tôn Thất Tùng- Đống Đa – Hà Nội, thời gian từ tháng 10/2021 đến tháng 05/2022.

Thời gian thu thập số liệu vào tháng 3 năm 2022

## 2.2. Phương pháp nghiên cứu:

**Thiết kế nghiên cứu:** Mô tả cắt ngang.

**Cỡ mẫu và phương pháp chọn mẫu:**

**Cỡ mẫu:** 360 sinh viên Y học dự phòng. Cỡ mẫu của nghiên cứu được tính theo công thức sau:

$$n = \frac{Z_{1-\alpha/2}^2 \cdot \frac{p(1-p)}{(p.e)^2}$$

Trong đó: n: cỡ mẫu nghiên cứu

-  $\alpha$ : Mức ý nghĩa thống kê, chọn  $\alpha=0,05$  (tương ứng độ tin cậy 95% thay vào bảng ta

trên được kết quả  $Z_{1-\alpha/2} = 1,96$ )

-  $\epsilon$ : Khoảng sai lệch tương đối giữa tỷ lệ thu được từ mẫu và tỷ lệ thu được từ quần thể. Chọn  $\epsilon=0,08$

- p: Tỷ lệ sinh viên bị stress tại trường Đại học Y Hà Nội từ nghiên cứu của Phạm Thị Huyền Trang năm 2013.<sup>5</sup>

**Phương pháp chọn mẫu:** Chọn mẫu ngẫu nhiên phân tầng: Mỗi khối sẽ là một tầng. Tổng có 6 tầng. Tỷ lệ sinh viên giữa các khối trên thực tế: Y1:Y2:Y3:Y4:Y5:Y6 = 17:18:15:13:19:18. Tỷ lệ Cỡ mẫu ở mỗi tầng trong mẫu tỷ lệ thuận với kích cỡ của từng tầng trong quần thể. Với tỷ lệ này và cỡ mẫu đã được tính toán thì số lượng sinh viên mỗi tầng cụ thể như sau: Y1:63; Y2:66; Y3:54; Y4:47; Y5:68; Y6:62. Cách chọn mẫu cho từng tầng: lấy danh sách sinh viên mỗi khối bốc thăm ngẫu nhiên số sinh viên đáp ứng tiêu chuẩn lựa chọn theo đúng tỷ lệ đã tính toán

**Biến số, chỉ số nghiên cứu:**

**Biến số về thông tin chung của đối tượng nghiên cứu:** giới, nơi ở hiện nay, khối học

**Biến số cho mục tiêu 1:** Tỷ lệ, mức độ stress của sinh viên Y học dự phòng.

**Biến số cho mục tiêu 2:**

**Biến phụ thuộc:** tỷ lệ stress của sinh viên Y học dự phòng.

**Biến độc lập: Yếu tố cá nhân:** giới, khối học, tập thể dục.

Sự kiện xảy ra trong năm qua: các sự kiện liên quan đến mối quan hệ giữa các cá nhân, các sự kiện liên quan đến cá nhân, các sự kiện liên quan đến học tập.

**Công cụ thu thập số liệu:** Bộ công cụ gồm 3 phần. Phần 1. Thông tin chung. Phần 2 thang DASS 21 (Depression Anxiety Stress Scale 21). Trong nghiên cứu này chủ yếu tập trung đánh giá stress nên dựa vào tổng điểm của các câu hỏi thành phần gồm các câu 1,6,8,11,12,14,18 rồi nhân hệ số 2. Sau khi có kết quả thì đánh giá stress dựa trên 5 mức độ: bình thường (0-14), nhẹ (15-18), vừa (19-25), nặng (26-33), rất

nặng ( $\geq 34$ )

#### Phương pháp thu thập số liệu:

+ Được sự đồng ý của phòng Quản lý và Đào tạo Đại học Viện Đào tạo YHDP và YTCC, liên hệ trước với giáo vụ khối Bác sĩ YHDP để có số lượng sinh viên từng khối, danh sách sinh viên mỗi khối. Dựa vào danh sách sinh viên mỗi khối bốc thăm ngẫu nhiên số lượng sinh viên cần lấy số liệu.

+ Lập danh sách các lớp trưởng, tổ trưởng, tổ phó và thông tin liên lạc

+ Lập đường link với biểu mẫu thu thập qua Kobotoolbox

+ Gửi danh sách sinh viên cần mời tham gia nghiên cứu, link và công văn thông báo mời tham gia nghiên cứu cho cán bộ lớp.

+ Cập nhật số lượng hàng tuần và nhắc cán bộ lớp nhắc các sinh viên có trong danh sách điền phiếu qua hệ thống tin nhắn zalo của nhóm

+ Tiến hành nhắc cán bộ lớp 2 lần/ tuần, trong 4 tuần.

**2.3. Xử lý và phân tích số liệu.** Số liệu sau khi được làm sạch nhập và phân tích bằng phần mềm SPSS 25.0

Sử dụng phương pháp phân tích thống kê mô tả (số lượng, tỷ lệ phần trăm) để mô tả thông tin chung và tỷ lệ stress của sinh viên YHDP.

Sử dụng phương pháp phân tích thống kê suy luận (kiểm định khi bình phương với mức ý nghĩa thống kê  $p < 0,05$ ) đo lường sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về tỷ lệ stress ở giới nam, nữ và giữa các khối học

Các mối liên quan giữa một số yếu tố được đề cập trong nghiên cứu và stress được đo lường bằng phân tích hồi quy logistic đơn biến.

**2.4. Đạo đức trong nghiên cứu.** Nghiên

**Bảng 2: Mối liên quan giữa yếu tố cá nhân và mức độ stress.**

Yếu tố cá nhân	Stress		OR (95 % CI)	
	Có stress	Không stress		
Khối học	Y1DP	27 (42,9%)	36 (57,1%)	3,13 (1,40-6,98)
	Y2DP	27 (40,9%)	39 (59,1%)	2,89 (1,30-6,41)
	Y3DP	26 (48,1%)	28 (51,9%)	3,87 (1,69-8,84)
	Y4DP	18 (38,3%)	29 (61,7%)	2,59 (1,09-6,12)
	Y5DP	11 (16,2%)	57 (83,8%)	0,80 (0,32-1,98)
	Y6DP	12 (19,4%)	50 (80,6%)	1
Giới	Nam	50 (37,3%)	84 (62,7%)	1,30 (0,83-2,04)
	Nữ	71 (31,4%)	155 (68,6%)	1
Tập thể dục	Không	81 (41,3%)	115 (58,7%)	2,18 (1,38-3,45)
	Có	40 (24,4%)	124 (75,6%)	1

Những sinh viên lớp Y1DP, Y2DP, Y3DP, Y4DP có nguy cơ bị stress gấp gần 3 lần sinh viên học lớp Y6DP, sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê (1,40-6,98; 1,30-6,41; 1,69-8,84 và 1,09-6,12). Sinh viên không tập thể dục thường xuyên có nguy cơ bị stress cao gấp hơn 2 lần (1,38-3,45) những sinh viên tập thể dục thường xuyên.

cứu được sự đồng ý của bộ môn Y đức và Tâm lý y học, Ban lãnh đạo Viện Đào tạo YHDP-YTCC trường Đại học Y Hà Nội.

Cung cấp đầy đủ các thông tin liên quan đến nghiên cứu cho các đối tượng trước khi tiến hành điều tra. Đối tượng tự nguyện tham gia vào nghiên cứu, được quyền dừng hoặc rút lui khỏi nghiên cứu

Các thông tin thu thập được chỉ phục vụ cho mục đích nghiên cứu và hoàn toàn được giữ bí mật. Kết quả nghiên cứu được phản hồi với nhà trường.

### III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

**3.1. Thông tin chung:** Tỷ lệ sinh viên nữ tham gia nghiên cứu chiếm 62.8% lớn hơn số sinh viên nam tham gia nghiên cứu là 37.2%. Sinh viên các khối Y1, Y2, Y3, Y6 lần lượt số sinh viên là 63 (17.5%), 66 (18,3%), 54 (15%), 62 (17,2)

**3.2. Thực trạng stress ở sinh viên hệ bác sĩ y học dự phòng Đại học Y Hà Nội năm 2021**

**Bảng 1. Thực trạng stress của sinh viên Y học dự phòng trường Đại học Y Hà Nội**

	Tần số	Tỷ lệ %
Có stress	121	33,6
Không stress	239	66,4
<b>Tổng</b>	<b>360</b>	<b>100</b>

Tỷ lệ sinh viên y học dự phòng mắc stress là 33,6%.

**3.3. Một số yếu tố liên quan đến stress trên sinh viên hệ bác sĩ Y học dự phòng trường Đại học Y Hà Nội năm học 2021-2022.**

**3.3.1. Mô tả mối liên quan giữa yếu tố cá nhân và stress.**

**3.3.2. Mô tả mối liên quan giữa các sự kiện xảy ra trong học kỳ vừa qua và mức độ stress.**  
**Bảng 3. Mối liên quan giữa các sự kiện xảy ra trong học kỳ vừa qua và stress.**

Các yếu tố liên quan	Stress		OR (95%CI)
	Có stress	Không stress	
<b>Các sự kiện liên quan đến mối quan hệ giữa các cá nhân</b>			
Thay đổi trong các hoạt động xã hội	Có	31 (46,3%)	<b>1,94 (1,13- 3,34)</b> 1
	Không	90 (30,7%)	
Xung đột với bạn thân hoặc bạn cùng phòng	Có	14 (27,5%)	0,71 (0,37- 1,38) 1
	Không	107 (34,6%)	
Xung đột với cha mẹ hoặc anh chị em trong gia đình	Có	14 (33,3%)	0,99 (0,49 – 1,95) 1
	Không	107 (33,6%)	
<b>Các sự kiện xảy ra liên quan đến cá nhân</b>			
Thay đổi thói quen giấc ngủ	Có	66 (43,1%)	<b>2,07 (1,33- 3,23)</b> 1
	Không	55 (26,8%)	
Thay đổi thói quen ăn uống	Có	52 (44,4%)	<b>2,02 (1,28-3,19)</b> 1
	Không	69 (28,4%)	
Thiếu sự hỗ trợ tài chính	Có	4 (40,0%)	1,33 (0,37-4,80) 1
	Không	117 (33,4%)	
Giảm sức khỏe bản thân, chấn thương/ốm nặng	Có	32 (51,6%)	<b>2,51 (1,44-4,37)</b> 1
	Không	89 (29,9%)	
Thất bại trong một tiến trình quan trọng	Có	27 (48,2%)	<b>2,08 (1,17-3,71)</b> 1
	Không	94 (30,9%)	
Cái chết của một thành viên gia đình	Có	9 (75,0 %)	<b>6,32 (1,68-23,80)</b> 1
	Không	112 (32,2%)	
<b>Các sự kiện liên quan đến vấn đề học tập.</b>			
Gia tăng việc học ở trường quá nhiều	Có	32 (50,0%)	<b>2,33 (1,34-4,03)</b> 1
	Không	89 (30,1%)	
Điểm học không như mong đợi	Có	75 (40,8%)	<b>1,94 (1,25-3,04)</b> 1
	Không	46 (26,1%)	
Bỏ lỡ quá nhiều lớp học	Có	31 (58,5%)	<b>3,40 (1,87-6,19)</b> 1
	Không	90 (29,3%)	

**Các sự kiện liên quan đến mối quan hệ giữa các cá nhân:** Sinh viên có sự thay đổi trong các hoạt động xã hội có nguy cơ stress gấp 1,94 lần (1,13- 3,34) sinh viên không có sự thay đổi này.

**Các sự kiện xảy ra liên quan đến cá nhân:** Sinh viên có sự thay đổi thói quen giấc ngủ có nguy cơ stress gấp 2,07 lần (1,33- 3,23), có sự thay đổi thói quen ăn uống có nguy cơ stress cao gấp là 2,02 lần (1,28-3,19) sinh viên khác. Sinh viên trải qua sự kiện suy giảm sức khỏe bản thân nguy cơ stress cao gấp 2,51 lần (1,44-4,37); trải qua sự kiện bị thất bại trong một tiến trình quan trọng có nguy cơ stress cao gấp 2,08 lần (1,17-3,71) sinh viên khác. Sinh viên trải qua sự kiện cái chết của một thành viên trong gia đình có nguy cơ stress cao gấp 6,32 lần (1,68-23,80) sinh viên khác.

**Các sự kiện liên quan đến vấn đề học tập:** Sinh viên trải qua sự kiện gia tăng việc học

quá nhiều có nguy cơ stress cao gấp 2,33 lần (1,34-4,03) sinh viên khác. Sinh viên trải qua sự kiện điểm học không như mong đợi có nguy cơ stress cao gấp 1,95 lần (1,25-3,04) sinh viên không trải qua sự kiện này. Sinh viên trải qua sự kiện bỏ lỡ quá nhiều lớp học đều có nguy cơ bị stress gấp 1,95 lần (1,25-3,04) khi họ không trải qua những sự kiện này.

#### IV. BÀN LUẬN

Kết quả nghiên cứu cho thấy tỷ lệ stress của sinh viên hệ Bác sĩ Y học dự phòng trường Đại học Y Hà Nội năm học 2021-2022 là 33,6% khá tương đồng về tỷ lệ stress nghiên cứu của Nguyễn Hoàng Nguyên năm 2018 là 33,9%.<sup>6</sup> Một nghiên cứu trên sinh viên Y khoa năm cuối tại Paskistan cho thấy tỷ lệ stress là 57,7%.<sup>2</sup> Sự khác biệt này có thể do khác biệt về chương trình học, văn hóa và điều kiện kinh tế.

**Một số yếu tố liên quan đến stress của sinh viên Y học dự phòng có thể kể đến**

- **Các yếu tố cá nhân:** Kết quả nghiên cứu của chúng tôi cho thấy khối học có mối liên quan tới tỷ lệ stress của sinh viên Y học dự phòng. Tuy nhiên kết quả nghiên cứu Nguyễn Hoàng Nguyên cho thấy yếu tố khối học có mối liên quan với stress sinh viên Y. <sup>6</sup>Sự khác biệt này là do 2 nghiên cứu cùng sử dụng thang đo nhưng nghiên cứu của chúng tôi lại sử dụng đối tượng khác nhau đối tượng nghiên cứu của chúng tôi là sinh viên y học dự phòng. Năm thứ nhất và thứ hai sinh viên Y học dự phòng phải học nhiều môn cơ sở khó, năm thứ 3 và thứ 4 thì phải đi học ở bệnh viện là chủ yếu, năm thứ 5 cũng phải học tại bệnh viện kì 1, từ kì 2 mới học môn chuyên ngành. Khi học chuyên ngành cũng được các thầy cô hướng dẫn kỹ với số lượng sinh viên ít nên ít nhiều cũng không căng thẳng bằng những năm trước. Sinh viên không tập thể dục thường xuyên có nguy cơ bị stress cao gấp hơn 2 lần (1,38-3,45) sinh viên khác kết quả này tương đồng nghiên cứu của Đỗ Hoàng Khánh (OR=2,12, p<0,05). <sup>7</sup>

- **Các sự kiện xảy ra trong học kỳ vừa qua**

**Các sự kiện liên quan đến môi quan hệ giữa các cá nhân:** Sinh viên có sự thay đổi trong các hoạt động xã hội có nguy cơ stress gấp 1,94 lần (1,13- 3,34) sinh viên không có sự thay đổi này. Điều này bởi vì việc thay đổi các hoạt động xã hội sẽ ảnh hưởng tới thời gian học tập hoặc làm việc nhóm sinh viên không thích ứng được với sự thay đổi này sẽ dễ bị ảnh hưởng tới tâm lý.

**Các sự kiện xảy ra liên quan đến cá nhân:** Sinh viên có sự thay đổi thói quen giấc ngủ có nguy cơ stress gấp 2,07 lần (1,33- 3,23), có sự thay đổi thói quen ăn uống có nguy cơ stress cao gấp là 2,02 lần (1,28-3,19) sinh viên khác. Sinh viên thiếu sự hỗ trợ về tài chính có nguy cơ stress gấp 1,33 lần (0,37-4,80) sinh viên không thiếu sự hỗ trợ tài chính. Sinh viên trải qua sự kiện suy giảm sức khỏe bản thân nguy cơ stress cao gấp 2,51 lần (1,44-4,37); trải qua sự kiện bị thất bại trong một tiến trình quan trọng có nguy cơ stress cao gấp 2,08 lần (1,17-3,71) sinh viên khác. Sinh viên trải qua sự kiện cái chết của một thành viên trong gia đình có nguy cơ stress cao gấp 6,32 lần (1,68-23,80) sinh viên khác. Sự tăng stress do các sự kiện liên quan đến cá nhân là phù hợp với lối sống của sinh viên là sống xa nhà, những thói quen ăn uống và giấc ngủ thay đổi do khối lượng kiến thức cần học lớn, đặc biệt trong thời kỳ COVID mọi sinh hoạt đều bị đảo lộn điều này ảnh hưởng lớn tới sức khỏe thể chất và tinh thần của sinh viên.

**Các sự kiện liên quan đến vấn đề học**

**tập:** Học tập luôn là một vấn đề ảnh hưởng tới sinh viên nhiều nhất đặc biệt là sinh viên Y do đặc thù khối lượng kiến thức học lớn, số lượng môn học nhiều. Kết quả nghiên cứu của chúng tôi cho thấy: Gia tăng việc học quá nhiều, điểm học không như mong đợi, bỏ lỡ quá nhiều lớp học đều là yếu tố nguy cơ làm tăng tỷ lệ stress trên sinh viên Y học dự phòng. Kết quả này tương tự với nghiên cứu của Đặng Đức Nhu. <sup>8</sup> Điều này cũng cho thấy áp lực học tập đối với sinh viên Y là rất lớn.

## V. KẾT LUẬN

Tỷ lệ stress của sinh viên là 33,6%. Có mối liên quan giữa khối học, tập thể dục, các sự kiện liên quan đến môi quan hệ giữa các cá nhân (thay đổi trong các hoạt động xã hội), các sự kiện xảy ra liên quan đến cá nhân (thay đổi thói quen ăn uống, giấc ngủ, thiếu sự hỗ trợ tài chính, suy giảm sức khỏe, thất bại trong một tiến trình quan trọng), các sự kiện liên quan đến vấn đề học tập (trải qua sự kiện gia tăng việc học quá nhiều, trải qua sự kiện điểm học không như mong đợi, trải qua sự kiện bỏ lỡ quá nhiều lớp học) với tình trạng stress của sinh viên Y học dự phòng.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Selye H.** Forty years of stress research: principal remaining problems and misconceptions. *Can Med Assoc J.* 1976;115(1):53-56.
2. **Kumar B, Shah MAA, Kumari R, Kumar A, Kumar J, Tahir A.** Depression, Anxiety, and Stress Among Final-year Medical Students. *Cureus.* 2019;11(3):e4257. doi:10.7759/cureus.4257.
3. **Moutinho ILD, Maddalena N de CP, Roland RK, et al.** Depression, stress and anxiety in medical students: A cross-sectional comparison between students from different semesters. *Rev Assoc Med Bras (1992).* 2017;63(1):21-28. doi:10.1590/1806-9282.63.01.21
4. **Ly T.T., Hoa P.T., và Thu L.H..** Thực trạng stress của sinh viên chính quy năm cuối thuộc các chuyên ngành của trường Đại học Y –được Thái Nguyên năm 2020. *Tạp chí Y học Việt Nam.* 2021. 501(2).
5. **Phạm Thị Huyền Trang.** Thực trạng stress của sinh viên Đại học Y Hà Nội năm 2013. Khóa luận tốt nghiệp cử nhân Y khoa, Đại học Y Hà Nội. 2013
6. **Nguyễn Hoàng Nguyên.** Trầm cảm, lo âu và stress ở sinh viên hệ bác sĩ và các yếu tố liên quan, *Tạp chí Y học thực hành.* 2020. số 6 (1138)
7. **Đỗ Hoàng K.** Stress và những yếu tố liên quan đến stress ở sinh viên điều dưỡng năm thứ 2 Trường Cao đẳng Y tế Hà Đông năm học 2019-2020. Thesis, ĐHY.2020
8. **Đặng Đức Nhu.** Thực trạng và các yếu tố liên quan đến stress của sinh viên năm thứ ba trường Đại học Công nghệ đại học quốc gia Hà Nội năm 2015. *Tạp chí Y học Dự phòng.* 2016 số 1.